|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  TP. HỒ CHÍ MINH  KHOA IN & TRUYỀN THÔNG | **Ngành đào tạo: Công nghệ In**  **Trình độ đào tạo: Đại học**  **Chương trình đào tạo: Công nghệ In** |

**Đề c­ương chi tiết học phần**

1. **Tên học phần: ĐỒ ÁN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM IN**

**Mã học phần: PQPR 411455**

1. **Tên Tiếng Anh: PRINT QUALITY MANAGEMENT PROJECTS**
2. **Số tín chỉ: 1. Phân bố thời gian: (học kỳ 15 tuần) 1(0:1:2)**
3. **Các giảng viên phụ trách học phần**

1. GV phụ trách chính: Chế Quốc Long

2. Danh sách giảng viên cùng GD:

2.1 GV- TRƯƠNG THẾ TRUNG

1. **Điều kiện tham gia học tập học phần**

**Môn học trước:CÔNG NGHỆ IN, NHẬP MÔN NGHỀ NGHIỆP**

**Môn học tiên quyết:CÔNG NGHỆ IN**

**Khác: không**

1. **Mô tả tóm tắt học phần:**

Chất lượng là yếu tố phù hợp với yêu cầu, mỗi sản phẩm có những yêu cầu về chất lượng khác nhau. Tương tự như vậy mỗi công đoạn trong quá trình sản xuất in đề phải được kiểm tra để tránh sai sót cho công đoạn sau. Đồ án này giúp cho sinh viên xây dựng tiêu chuẩn hóa quá trình trong từng công đoạn của quá trình sản xuất in. Một số nội dung chính: Thiết bị đo và ứng dụng. Thông số và cách xây dựng thông số kiểm tra phù hợp với điều kiện thực tế. Sử dụng thang đo phù hợp với tiêu chuẩn đo kiểm. Testform và hiệu chỉnh thiết bị. Xây dựng quy trình kiểm tra. Tiêu chuẩn hóa quá trình

Những chủ đề chính mà môn học trang bị kiến thức cho Sinh viên bao gồm

Cách thức tìm kiếm và tham khảo tài liệu. Cách thức trình bày một đề tài, Chuẩn bị và báo cáo đề tài. Ý nghĩa của các thành phần trong thang đo. Testform, ý nghĩa các thành phần và sử dụng. Các vấn đề khách quan trong quá trình sản xuất in. Kiểm soát quá trình trước in, in và sau in. Tiêu chuẩn hóa quá trình trong điều kiện thực tế và triển khai cho sản phẩm cụ thể

1. **Mục tiêu của học phần (Course Goals)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  *Học phần này trang bị cho sinh viên* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| **G1** | Hiểu và mô tả được các mối liên hệ giữa các công đoạn sản xuất in; ứng dụng trong việc thiết lập các thông số kỹ thuật trong quá trình sản xuất; ứng dụng trong quản lý, tổ chức, lập kế hoạch và điều phối sản xuất in; ứng dụng trong đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm in. | **1.3** |
| **G2** | Có khả năng nhận dạng và xác định các vấn đề cần giải quyết từ các số liệu thống kê, các trường hợp sai hỏng, từ các khó khăn trong quá trình làm việc, các yêu cầu của sản phẩm in hay yêu cầu từ khách hàng. | **2.1** |
| **G3** | Có khả năng thể hiện các ý kiến, kiến thức của bản thân, đưa ra các đánh giá có phê phán cả bằng văn bản (viết các báo cáo, tiểu luận, khóa luận, các bài báo) lẫn trong giao tiếp bằng lời (thảo luận, thuyết trình) thích hợp với môi trường nghề nghiệp. | **3.2** |
| **G4** | Xây dựng, tối ưu hóa lưu đồ chế bản và quản lý chất lượng chế bản, phù hợp với điều kiện thực tế doanh nghiệp và dạng sản phẩm.  Tham gia thiết lập hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm in cho các dạng sản phẩm in. | **4.4** |

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | **Chuẩn đầu ra CDIO** |
| **G1** | **G1.1`** | Ứng dụng được lý thuyết màu sắc, các nguyên lý phục chế vào quá trình sản xuất các dạng sản phẩm in và quá trình kiểm soát chất lượng sản phẩm. | **1.3.2** |
| **G1.2** | Mô tả được các mối liên hệ giữa các công đoạn sản xuất in; ứng dụng trong việc thiết lập các thông số kỹ thuật trong quá trình sản xuất; ứng dụng trong quản lý, tổ chức, lập kế hoạch và điều phối sản xuất in; ứng dụng trong đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm in. | **1.3.5** |
| **G2** | **G2.1** | Sử dụng thành thục các công cụ thống kê và khả năng tư duy logic để giải quyết các vấn đề liên quan đến nghề in; có trình độ tin học và khả năng phân tích dữ liệu. | **2.1.3** |
| **G2.2** | Chọn lựa các vấn đề phù hợp với bản thân, Đặt vấn đề và giải quyết các vấn đề phát sinh | **2.1.5** |
| **G2.3** | Trình bày và báo cáo đề tài một cách khoa học | **2.3.2** |
| **G2.4** | Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực bản thân. | **2.4.6** |
| **G3** | **G3.1** | Có khả năng đọc hiểu tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Anh. | **3.3.2** |
| **G3.2** | Thực hiện hoàn chỉnh bài báo cáo kèm theo phân tích hợp lý và đưa ra quan điểm cá nhân. | **3.2.1** |
| **G4** | **G4.1** | Xây dựng, tối ưu hóa lưu đồ chế bản và quản lý chất lượng chế bản, phù hợp với điều kiện thực tế doanh nghiệp và dạng sản phẩm | **4.4.2** |
| **G4.2** | Tham gia thiết lập hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm in cho các dạng sản phẩm in | **4.4.5** |

1. **Tài liệu học tập**

[1] Tài liệu tham khảo: Công nghệ in Lõm, công nghệ in Flexo, Công nghệ in offset, vật liệu in, Đại cương in.

[2] Helmut Kipphan, "Hand book of Print Media", Heidelberg, 2000

[3] Giáo trình kiểm tra chất lượng sản phẩm In

1. **Kế hoạch thực hiện (Nội dung chi tiết) học phần theo tuần (GV gởi đến SV đầu học phần)**
2. **Đạo đức khoa học:**

* Cho điểm 0 cho tất cả các bài tập sao chép của người khác, giống nhau giữa 2 sinh viên.
* Trừ 50% số điểm khi sao chép các tài liệu (các bài báo, giáo trình, bài giảng…), không chú thích trích dẫn.
* Không được phép dự thi nếu chưa hoàn tất tất cả các bài tập theo yêu cầu ở mục 9

1. **phê duyệt: ngày/tháng/năm**
2. **Cấp phê duyệt:**

**Trưởng khoa Tổ trưởng BM Nhóm biên soạn**

1. **Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lấn 1:** Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 1: ngày/tháng/năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Tổ trưởng Bộ môn: |
| **Lấn 2:** Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 2: ngày/tháng/năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Tổ trưởng Bộ môn: |